

Số: /BXD-CĐSVN

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

V/v xây dựng thông cáo báo chí đối
với Nghị định số 04/2026/NĐ-CP
ngày 10/01/2026 và Nghị định số
16/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026
của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Xây dựng cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Thông cáo báo chí như sau:

I. Văn bản 1

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định số 04/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã xác định rõ nhiệm vụ: rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành, trong đó có đường sắt; hoàn thiện cơ chế, chính sách, thí điểm các mô hình phù hợp để tạo đột phá trong phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng đường bộ và đường sắt; đồng thời ban hành chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn thông qua đặt hàng đào tạo và hỗ trợ tài chính của Nhà nước.

Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhấn mạnh yêu cầu: thống nhất nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vận tải đường sắt; huy động tối đa các nguồn lực, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống đường sắt hiện đại, đồng bộ, bền vững theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, ưu tiên phát triển công nghiệp đường sắt song hành với các ngành công nghiệp khác, hướng tới tự chủ trong bảo

trì, sản xuất phương tiện, vật tư, thiết bị đường sắt; nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị.

Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu khẩn trương rà soát, sửa đổi, ban hành chính sách, pháp luật về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với mục tiêu xây dựng nền công nghiệp hiện đại đến năm 2030; đặc biệt là chính sách về đầu tư công, quy hoạch, đối tác công - tư, ngân sách nhà nước; đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh để triển khai các công trình hạ tầng lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển đất nước.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, xác định rõ nhiệm vụ: hoàn thiện thể chế, xóa bỏ rào cản, phát huy thể chế như một lợi thế cạnh tranh; phát triển và trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp, bảo đảm vừa thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, khơi thông các nguồn lực phát triển.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện pháp luật, xóa bỏ rào cản tiếp cận thị trường, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh; thực hiện đầy đủ cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;
- Luật Đường sắt ngày 27/6/2025 (thay thế Luật Đường sắt năm 2017), trong đó tại khoản 3 Điều 38 giao Chính phủ quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt; nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 theo khoản 2 Điều 58 của Luật.
- Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai Nghị quyết đều giao Chính phủ quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt; nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ.

Do đó, cần thiết ban hành Nghị định quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt để cụ thể hóa chủ trương,

chính sách của Đảng, triển khai thực hiện đồng thời Nghị quyết số 172/2024/QH15, Nghị quyết số 188/2025/QH15 và Luật Đường sắt năm 2025.

c) Cơ sở thực tiễn

Mạng lưới đường sắt quốc gia Việt Nam đã được xây dựng và khai thác hơn một thế kỷ, hiện gồm 7 tuyến chính và 12 tuyến nhánh với tổng chiều dài 2.703 km đường chính tuyến, 612 km đường ga và đường nhánh, trải dài trên địa bàn của 34 tỉnh, thành phố. Trong quá trình phát triển, ngành công nghiệp đường sắt Việt Nam đã từng bước đồng hành với hoạt động khai thác, bảo trì hệ thống hạ tầng, đạt được một số kết quả nhất định, như thiết kế, chế tạo thành công các loại toa xe khách và toa xe hàng khổ 1.000mm, góp phần nâng cao năng lực, duy trì chất lượng khai thác vận tải đường sắt, phù hợp với định hướng phát triển giao thông vận tải của cả nước.

Tuy nhiên, hiện nay công nghiệp đường sắt trong nước mới chỉ đáp ứng được yêu cầu cơ bản về bảo trì, sửa chữa, lắp ráp đầu máy, toa xe khổ 1.000mm với tốc độ khai thác tối đa 100 km/h. Việt Nam vẫn chưa xây dựng được cơ sở công nghiệp có đủ trang thiết bị, công nghệ và nhân lực để phục vụ sản xuất, bảo trì, sửa chữa các phương tiện, thiết bị cho đường sắt điện khí hóa hoặc tốc độ cao.

Hiện cả nước có khoảng 35 cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa và đóng mới phương tiện, thiết bị đường sắt. Trong đó, có 2 cơ sở sản xuất, lắp ráp đầu máy, toa xe (Công ty Cổ phần xe lửa Gia Lâm và Công ty Cổ phần xe lửa Dĩ An); 3 xí nghiệp vận dụng và sửa chữa đầu máy; 4 xí nghiệp sửa chữa toa xe; 5 công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt; 15 công ty cổ phần đường sắt và một số công ty tham gia sản xuất phụ tùng, linh kiện, cầu kiện cầu, ghi và thiết bị bảo dưỡng đường sắt. Các cơ sở nêu trên vẫn hoạt động nhỏ lẻ, thiết bị công nghệ lạc hậu, chưa được đầu tư đổi mới đồng bộ.

Thực tiễn sau hơn 6 năm triển khai Luật Đường sắt 2017 cho thấy, công nghiệp đường sắt Việt Nam chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và yêu cầu hội nhập. Các phương tiện, thiết bị, vật tư chủ yếu vẫn phải nhập khẩu; công nghiệp hỗ trợ chưa hình thành hệ sinh thái đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu phát triển ngành.

Theo các quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, nhu cầu phát triển hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị tại các địa phương trong giai đoạn trung và dài hạn là rất lớn sẽ tạo ra thị trường đủ lớn để doanh nghiệp cơ khí, sản xuất thiết bị, toa xe, linh kiện và ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển.

Tại Hội thảo “Ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam với việc phát triển hệ thống đường sắt Việt Nam” ngày 21/3/2025, các chuyên gia đánh giá nếu có cơ chế để bảo đảm đầu ra sản phẩm cho các doanh nghiệp thì các doanh nghiệp trong nước có thể tham gia thị trường công nghiệp đường sắt:

- Đối với xây dựng hạ tầng, doanh nghiệp trong nước có khả năng thiết kế, thi công các công trình cầu, hầm, nền đường những hạng mục chiếm khoảng 65% tổng chi phí xây dựng với tỷ lệ nội địa hóa 90-95%.

- Với đầu máy, toa xe đường sắt tốc độ dưới 200 km/h và đường sắt đô thị,

nếu khối lượng đơn hàng đủ lớn, các doanh nghiệp đóng tàu, xe lửa, ô tô trong nước có thể sản xuất với tỷ lệ nội địa hóa đạt 60%.

- Đối với hệ thống cấp điện và máy biến áp, nếu được chuyển giao công nghệ phù hợp, tỷ lệ nội địa hóa có thể đạt tới 80%.

- Riêng hệ thống thông tin tín hiệu liên quan đến an toàn chạy tàu, doanh nghiệp trong nước có thể nội địa hóa một phần, mua phần cứng, phần mềm và phát triển tiếp nhằm giảm chi phí và bảo đảm tính tự chủ.

Cũng tại Hội thảo, nhiều doanh nghiệp đã chứng minh năng lực và có khả năng tham gia các công tác thiết kế, thi công hạ tầng, sửa chữa và đóng mới phương tiện, quản lý dự án, chế tạo thiết bị, triển khai các giải pháp thông tin tín hiệu. Nhiều doanh nghiệp đã có sẵn cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống quản trị tốt, có thể tham gia ngay vào chuỗi sản xuất công nghiệp đường sắt nếu được hỗ trợ, bảo hộ thị trường kèm theo điều kiện chuyển giao công nghệ. Điều đó mở ra cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam từng bước làm chủ các dự án đường sắt với tỷ lệ nội địa hóa cao và giá thành cạnh tranh.

Vì vậy, việc ban hành Nghị định quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt là yêu cầu cấp thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn triển khai các dự án đường sắt trọng điểm trong thời gian tới, đồng thời tạo nền tảng pháp lý cho sự phát triển bền vững của công nghiệp đường sắt Việt Nam.

3.2. Mục đích ban hành Nghị định

Việc xây dựng Nghị định nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát triển ngành đường sắt hiện đại, đồng bộ, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế hiện nay, tạo hành lang pháp lý đồng bộ để phát huy vai trò của ngành đường sắt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nghị định được ban hành nhằm thiết lập cơ chế pháp lý cụ thể về giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đủ năng lực để tham gia cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội và Luật Đường sắt năm 2025, từng bước hình thành các doanh nghiệp nòng cốt để tạo tiền đề cho công nghiệp đường sắt trong nước phát triển, hình thành chuỗi cung ứng sản xuất sản phẩm, hàng hóa công nghiệp đường sắt; từng bước làm chủ công nghệ, hướng đến tạo ra các sản phẩm công nghiệp đường sắt đạt thương hiệu quốc gia.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Về bố cục của Nghị định

Nghị định được kết cấu thành 03 chương với tổng số 11 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4): Quy định về phạm vi

điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

- Chương II. Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp; nội dung, trình tự giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt (từ Điều 5 đến Điều 7): Quy định tiêu chí, nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng và trình tự thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng.

- Chương III. Tổ chức thực hiện (từ Điều 8 đến Điều 11): Quy định về trách nhiệm của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng; trách nhiệm của nhà cung cấp; trách nhiệm của các cơ quan liên quan và hiệu lực thi hành.

4.2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt thuộc chương trình, dự án mua sắm, đầu tư xây dựng đường sắt sử dụng ngân sách nhà nước, không bao gồm ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4.3. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức trực thuộc; người quyết định đầu tư, chủ đầu tư chương trình, dự án mua sắm, đầu tư xây dựng đường sắt; doanh nghiệp Việt Nam, tổ chức khác có liên quan đến việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt.

4.4. Nội dung của Nghị định

Đây là Nghị định ban hành mới, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội đề xuất quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, cụ thể như sau:

- Về dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt: Nội dung này được thể chế hóa tại Điều 4 và Phụ lục I Nghị định. Danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam gồm 02 nhóm: (i) Nhóm I (Dịch vụ công nghiệp đường sắt); (ii) Nhóm II (Hàng hóa công nghiệp đường sắt).

- Về tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp: Nội dung này được thể chế hóa tại Điều 5 Nghị định. Nghị định quy định 08 tiêu chí đối với nhà cung cấp, gồm: (i) Có chức năng, nhiệm vụ (đối với tổ chức) hoặc đăng ký ngành nghề kinh doanh, giấy phép hoạt động (đối với doanh nghiệp); (ii) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá

sản; (iii) Về năng lực tài chính; (iv) Về cơ sở vật chất; (v) Về năng lực nhân sự; (vi) Về năng lực, kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ; (vii) Về chất lượng sản phẩm; (viii) Về chi phí và giá cả.

- Về nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt: Nội dung này được quy định tại Điều 6 Nghị định, bao gồm: (i) Việc giao nhiệm vụ, đặt hàng được thực hiện bằng quyết định giao nhiệm vụ (Mẫu số 01 Phụ lục II) hoặc hợp đồng đặt hàng (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); (ii) Nội dung giao nhiệm vụ; (iii) Nội dung đặt hàng.

- Về trình tự giao nhiệm vụ, đặt hàng: Nội dung này quy định tại Điều 7 Nghị định. Trong đó đề xuất quy định đơn giản hóa tối đa về trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà cung cấp.

- Về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng: Nội dung này được quy định tại Điều 8 của Nghị định.

- Về quyền và trách nhiệm của nhà cung cấp: Nội dung này được quy định tại Điều 9 của Nghị định.

- Về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Nội dung này được quy định tại Điều 10 của Nghị định.

- Về hiệu lực thi hành: Nội dung này được thể chế hóa tại Điều 11 của Nghị định.

II. Văn bản 2

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định số 16/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 01 năm 2026.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng là hai trong ba khâu đột phá chiến lược. Đồng thời, Đại hội cũng đã xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường và phát triển đường sắt: “*Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, ổn định, cụ thể, minh bạch*”.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: “*Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch, thương mại, đường sắt...*”; “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thí điểm thực hiện các cơ chế phù hợp để tạo đột phá cho phát triển*”.

kết cấu hạ tầng, nhất là đường bộ, đường sắt"...

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định: *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” ...*

Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Kết luận số 49) đã xác định: *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải đường sắt. Ban hành cơ chế, chính sách pháp luật về sử dụng đất cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt và cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến trình đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị”; “Ban hành và triển khai thực hiện chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp đường sắt và công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; tăng cường, đa dạng hoá liên kết, hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt, đặc biệt là công nghệ đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao”.*

Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới xác định: *“Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về giao thông theo hướng quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và phát triển kinh tế - xã hội”; “Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ phạm vi quản lý nhà nước giữa các bộ, ngành với chính quyền địa phương, giữa trách nhiệm tập thể với trách nhiệm cá nhân; thực hiện nghiêm công tác quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng chồng chéo, buông lỏng quản lý. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động, sử dụng các nguồn lực xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông”.*

Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII về việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã (bỏ cấp huyện)... xác định *“... các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương...”.*

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định: *“Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp*

luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển”;

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định: *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp...”, “Thực hiện cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác..”.*

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 đã được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 27/6/2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Trong đó, Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 15, khoản 9 Điều 16, điểm d khoản 2 Điều 19, khoản 3 Điều 38, khoản 4 Điều 42, khoản 6 Điều 44, khoản 8 Điều 46, khoản 7 Điều 49, khoản 6 Điều 50, điểm b khoản 4 Điều 56.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 quy định đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.

- Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt trình Chính phủ trước ngày 15/10/2025.

- Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 17/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đường sắt.

c) Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Luật Đường sắt 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt¹ (sau đây gọi là Nghị định số 56/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đường sắt² (sau đây gọi là Nghị định số 65/2018/NĐ-CP). Tuy nhiên, Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 9 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026) đã thay thế Luật Đường sắt 2017; đồng thời trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị định trên cũng đã bộc lộ một số tồn

¹ Được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định: Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

² Được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định gồm: Nghị định số 01/2022/NĐ-CP, Nghị định số 91/2023/NĐ-CP, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

tại, hạn chế và thực tiễn đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và ngành đường sắt nói riêng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, một số quy định tại Nghị định số 56/2018/NĐ-CP, Nghị định số 65/2018/NĐ-CP đã được Luật Đường sắt 2025 sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ³.

Thứ hai, Luật Đường sắt 2025 đã giao Chính phủ quy định một số nội dung đã được quy định tại Luật Đường sắt 2017⁴.

Thứ ba, một số quy định tại Nghị định số 56/2018/NĐ-CP, Nghị định số 65/2018/NĐ-CP cần được rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn hiện nay⁵.

Thứ tư, thực hiện chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân định thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở Trung ương với chính quyền địa phương theo nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, một số quy định tại Nghị định số 56/2018/NĐ-CP, Nghị định số 65/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; các Nghị định về phân cấp này chỉ có hiệu lực đến hết ngày 01/3/2027 (chi tiết tại điểm đ mục V.2 Tờ trình). Vì vậy, để bảo đảm ổn định cần thiết phải tiếp tục thực hiện việc phân cấp này.

Thứ năm, qua rà soát và thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, một số thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định số 56/2018/NĐ-CP và Nghị định số 65/2018/NĐ-CP cần thiết phải cắt giảm nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đồng hành kiến tạo cùng người dân và doanh nghiệp để thúc đẩy kinh tế phát triển⁶.

Thứ sáu, quy định về thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch tuyến, ga đường sắt đã được Luật Đường sắt 2025 phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng, do đó Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của

³ (i) sửa đổi thẩm quyền quy định về niên hạn sử dụng phương tiện giao thông đường sắt từ Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng; (ii) bổ sung quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt dùng chung với đường bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật đầu nối, sử dụng chung với công trình đường sắt; (iii) lược bỏ quy định về danh mục phụ kiện, phụ tùng, vật tư, thiết bị chuyên dùng cho đường sắt; kinh doanh đường sắt đô thị là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và quy định về chấp thuận chủ trương đường ngang.

⁴ (i) quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; (ii) quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, hành khách, người thuê vận tải.

⁵ (i) quy định việc đặt tên, đưa vào khai thác, dừng khai thác, tháo dỡ tuyến đường sắt, ga đường sắt; (ii) quy định về phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; (iii) quy định việc quản lý, sử dụng đất dành cho đường sắt; (iv) quy định về vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt; lộ trình, trách nhiệm xử lý các vị trí đường sắt giao nhau với đường sắt, đường sắt giao nhau với đường bộ; (v) quy định vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội và vận tải hàng hoá nguy hiểm.

⁶ Thủ tục hành chính chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang, cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Từ các nội dung nêu trên và căn cứ quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời giúp người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị dễ tiếp cận, tuân thủ những quy định của pháp luật có hiệu quả hơn thì việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt thay thế Nghị định số 56/2018/NĐ-CP, Nghị định số 65/2018/NĐ-CP của Chính phủ là rất cần thiết và phù hợp với thực tế hiện nay.

3.2. Mục đích ban hành Nghị định

Việc xây dựng Nghị định nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao Chính phủ quy định trong Luật Đường sắt 2025; khắc phục những tồn tại, bất cập về thể chế, tạo động lực mới cho sự phát triển của ngành đường sắt, thúc đẩy tính cạnh tranh của phương thức vận tải đường sắt; nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, cũng như công tác quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Về bố cục của Nghị định

Nghị định, gồm 05 Chương, 66 Điều và 05 Phụ lục:

- Chương I - Quy định chung, gồm 05 Điều (từ Điều 1 đến Điều 5);
- Chương II - Kết cấu hạ tầng đường sắt, gồm 29 Điều (từ Điều 6 đến Điều 34);
- Chương III - Vận tải đường sắt, gồm 22 Điều (từ Điều 35 đến Điều 56);
- Chương IV - Tổ chức thực hiện, gồm 07 Điều (từ Điều 57 đến Điều 63);
- Chương V - Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều (từ Điều 64 đến Điều 66).

4.2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Đường sắt), bao gồm:

(1) Khoản 8 Điều 15 về đặt tên, đưa vào khai thác, dừng khai thác, tháo dỡ tuyến đường sắt, ga đường sắt.

(2) Khoản 9 Điều 16 về lộ trình, trách nhiệm xử lý các vị trí đường sắt giao nhau với đường sắt, đường sắt giao nhau với đường bộ không phù hợp với quy định tại Luật Đường sắt.

(3) Điểm d khoản 2 Điều 19 về lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt.

(4) Khoản 3 Điều 38 về nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ.

(5) Khoản 4 Điều 42 về quản lý, bảo trì công trình đường sắt dùng chung với đường bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật đầu nối, sử dụng chung với công trình

đường sắt.

(6) Khoản 6 Điều 44 về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

(7) Khoản 8 Điều 46 về điều kiện kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

(8). Khoản 7 Điều 49 về điều kiện kinh doanh vận tải đường sắt; quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, hành khách, người thuê vận tải; việc miễn, giảm giá vận tải hành khách cho đối tượng chính sách xã hội.

(9) Khoản 6 Điều 50 về vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội và vận tải hàng hóa nguy hiểm.

(10) Điểm b khoản 4 Điều 56 về quản lý, sử dụng đất dành cho đường sắt.

4.3. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động đường sắt trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.4. Nội dung của Nghị định

a) Nội dung sửa đổi

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đặt tên, đổi tên, tháo dỡ tuyến, ga đường sắt bảo đảm rõ ràng, đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính và phù hợp với thực tiễn. Theo đó, Nghị định quy định cụ thể nguyên tắc, thẩm quyền đặt tên, đổi tên tuyến, tên ga đường sắt; các trường hợp và thẩm quyền tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt (Điều 6, Điều 9 Nghị định).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt cho phù hợp với thực tiễn hiện nay khi nước ta đang đầu tư xây dựng nhiều dự án đường sắt có công nghệ khác nhau và mỗi dự án áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác nhau. Theo đó, Nghị định đã quy định các công trình đường sắt xây dựng mới thì phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn đường sắt được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án, công trình (Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 19 Nghị định).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Đường sắt. Nghị định đã quy định cụ thể các công trình được phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt; quy định yêu cầu đối với việc xây dựng đường gom trong phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt của đường sắt quốc gia hiện có và đường sắt chuyên dùng trong trường hợp không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt (Điều 24, Điều 25 Nghị định).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt theo hướng mở rộng các điều kiện về tổ chức bộ máy, nhân lực để thu hút các nhà đầu tư tham gia kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc

tế và phù hợp với thực tiễn (Điều 26, Điều 35 Nghị định).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt, lộ trình để tiếp tục xử lý các vị trí nguy hiểm này. Nghị định đã xác định cụ thể vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt là điểm đen tai nạn giao thông đường sắt, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt và đường ngang nguy hiểm; quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông tại các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 55 Luật Đường sắt 2025 và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay, bảo đảm tính chủ động tổ chức triển khai thực hiện. Đồng thời quy định cụ thể lộ trình để tiếp tục xử lý các vị trí nguy hiểm đối với giao thông vận tải đường sắt và vị trí đường sắt chuyên dùng giao cắt với đường sắt quốc gia (giai đoạn từ năm 2026 đến 2030) cho phù hợp với điều kiện thực tiễn (từ Điều 28 đến Điều 34 Nghị định).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng được giảm giá vé, thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội. Nghị định đã sửa đổi quy định về đối tượng được giảm giá vé cho phù hợp với pháp luật về người có công với cách mạng (Điều 39 Nghị định); đồng thời, sửa đổi quy định về hỗ trợ giá vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội được quy định tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP theo hướng các Bộ, ngành, địa phương khi có nhu cầu vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt có văn bản yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải thực hiện và đặt hàng với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt để thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội phải để bảo đảm linh hoạt trong việc tổ chức vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội (Điều 42, Điều 43, Điều 44 Nghị định).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về phân loại, danh mục và vận tải hàng hóa nguy hiểm theo hướng quy định rõ ràng, cụ thể hơn và tương đồng với lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 34/2024/NĐ-CP, Nghị định số 161/2024/NĐ-CP và phù hợp với pháp luật về phòng thủ dân sự khi xảy ra sự cố vận tải hàng nguy hiểm (từ Điều 45 đến Điều 56 Nghị định).

b) Nội dung bổ sung

- Bổ sung quy định về quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt. Nghị định đã bổ sung quy định cụ thể về những nội dung chủ yếu của quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt; đồng thời quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đường sắt (Điều 4 Nghị định).

- Bổ sung các quy định đưa vào khai thác, dừng khai thác tuyến, ga đường sắt. Nghị định đã bổ sung quy định việc đưa vào khai thác, tuyến, ga đường sắt phải được nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và phải được đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật về đường sắt; quy định một số trường hợp khi dừng khai thác. Đồng thời, quy định rõ thẩm quyền đưa vào khai thác, dừng khai thác tuyến, ga đường sắt trên đường sắt do chủ sở hữu, tổ chức được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng

đường sắt quyết định (Điều 7, Điều 8 Nghị định).

- Bổ sung quy định quản lý, bảo trì công trình đường sắt dùng chung với đường bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật đầu nối, sử dụng chung với công trình đường sắt. Nghị định đã quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong công tác quản lý, bảo trì công trình đường sắt dùng chung với đường bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật đầu nối, sử dụng chung với công trình đường sắt để bảo đảm phù hợp với Điều 21, Điều 42 Luật Đường sắt 2025. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác quản lý, bảo trì cầu chung giữa đường sắt và đường bộ (Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định).

- Bổ sung quy định về kinh doanh vận tải đường sắt. Nghị định đã quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, hành khách, người thuê vận tải nhằm cụ thể hoá quy định tại khoản 8 Điều 46, khoản 7 Điều 49 Luật Đường sắt trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 60, Điều 61 Luật Đường sắt 2017 và có chỉnh lý cho phù hợp với thực tế hiện nay (Điều 27, Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định).

c) Nội dung lược bỏ

- Lược bỏ Điều 17 và Phụ lục III của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP quy định về Danh mục phụ kiện, phụ tùng, vật tư, thiết bị chuyên dùng cho đường sắt do tại khoản 2 Điều 36 Luật Đường sắt 2025 đã giao Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung sản phẩm, hàng hóa công nghiệp đường sắt gồm: phương tiện giao thông đường sắt, hệ thống thông tin, tín hiệu, hệ thống cấp điện sức kéo đường sắt, ray, ghi, phụ kiện liên kết và phụ tùng, vật tư, thiết bị có yêu cầu kỹ thuật đặc biệt thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.

- Lược bỏ Điều 18, Điều 19 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP do tại khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt 2025 đã giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt.

- Lược bỏ quy định về đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp III trở lên; đường sắt giao nhau với đường bộ đô thị; đường sắt có tốc độ thiết kế 100 km/h trở lên giao nhau với đường bộ; đường sắt đô thị giao nhau với đường bộ; đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống được quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP do tại khoản 2 Điều 16 Luật Đường sắt 2025 đã giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định nội dung này.

- Lược bỏ quy định phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi thực hiện cải tạo, nâng cấp công trình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9, khoản 4 và khoản 6 Điều 10, khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 13, Điều 14; quy định chấp thuận việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt quy định tại khoản 1 Điều 26; quy định chấp thuận xây dựng công trình cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện ở vùng lân cận phạm vi đất dành cho đường sắt tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 56/2018/NĐ-

CP nhằm tránh phát sinh thủ tục hành chính, đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết 66/NQ-CP.

- Lược bỏ quy định phạm vi bảo vệ phía dưới mặt đất của công trình đường sắt quy định tại Điều 14 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP do nội dung này đã được quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Đường sắt.

- Lược bỏ Điều 22 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt đô thị do Luật Đường sắt 2025 đã bỏ quy định kinh doanh đường sắt đô thị là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Lược bỏ các quy định về các trường hợp được hỗ trợ và quy trình, thủ tục hỗ trợ thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội được quy định tại Điều 44 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

- Lược bỏ quy định về hợp đồng vận tải hàng nguy hiểm được quy định tại Điều 35 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP do nội dung này đã không còn quy định trong Luật Đường sắt 2025.

- Lược bỏ quy định về toa xe vận tải hàng nguy hiểm và ga xếp, ga dỡ hàng nguy hiểm được quy định tại Điều 42 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP tại khoản 3 Điều 15 và khoản 1 Điều 47 Luật Đường sắt đã giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định nội dung này.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

- Bãi bỏ thủ tục hành chính đặt tên, đổi tên tuyến, tên ga đường sắt quốc gia quy định tại Điều 5 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 và Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ quy định về cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm được quy định tại Điều 40, Điều 41 và Phụ lục V được quy định tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, năng lượng hạt nhân và hoá chất.

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia được quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP (điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định).

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt địa phương được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP (điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định).

- Nghị định đã chỉnh lý việc phân cấp quyết định vận tải hàng nguy hiểm trong trường hợp đặc biệt (phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, địch họa, phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh...) theo hướng giao các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện như đối với vận tải trong trường hợp đặc biệt được quy định tại Điều 30 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP để bảo đảm tính kịp thời khi thực hiện (điểm a

khoản 1 Điều 42, Điều 63 Nghị định).

Trên đây là thông tin phục vụ thông cáo báo chí đối với Nghị định số 04/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt và Nghị định số 16/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt, Bộ Xây dựng gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế;
- Cục ĐSVN (để t/h);
- Lưu: VT, Cục ĐSVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy